TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2019/DS-ST
Ngày 29 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 385/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 453A/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp XT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn Q; cư trú tại: Ấp XT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị T; cư trú tại: Ấp XT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Anh Đ trình bày: Trước đây bà có tham gia chơi hụi trong các dây hụi do vợ chồng ông Q, bà Tg làm chủ hụi, cụ thể:

Dây thứ nhất: Mở ngày 25/02/2017, loại hụi 3.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 31 chưng, bà tham gia 01 chưng. Trong quá trình chơi hụi, bà là người trực tiếp đóng hụi cho ông Q, bà đóng đến kỳ thứ 25 thì vợ chồng ông Q, bà

T tuyên bố bể hụi. Nay bà không nhớ cụ thể số tiền đã đóng là bao nhiêu nên bà yêu cầu ông Q, bà T trả 65.000.000đ.

Dây thứ hai: Mở ngày 10/8/2017, loại hụi 2.000.000đ, 01 tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 37 chưng, bà tham gia 02 chưng. Trong quá trình chơi hụi, bà là người trực tiếp đóng hụi cho ông Q, bà đóng đến kỳ thứ 19 thì vợ chồng ông Q, bà T tuyên bố bể hụi. Nay bà không nhớ cụ thể số tiền đã đóng là bao nhiêu nên bà yêu cầu ông Q, bà T trả 01 chưng là 30.000.000đ x 02 = 60.000.000đ.

Dây thứ ba: Mở ngày 10/8/2017, loại hụi 1.000.000đ, 01 tháng khui 02 lần, dây hụi gồm 45 chưng, bà tham gia 01 chưng. Trong quá trình chơi hụi, bà là người trực tiếp đóng hụi cho ông Q, bà đóng đến kỳ thứ 37 thì vợ chồng ông Q, bà T tuyên bố bể hụi. Nay bà không nhớ cụ thể số tiền đã đóng là bao nhiêu nên bà yêu cầu ông Q, bà T trả 01 chưng là 30.000.000đ.

Tổng số tiền nợ của ông Q, bà T trong 03 dây hụi là 155.000.000đ. Sau đó, ông Q, bà T có trả cho bà được 70.000.000đ, còn lại 85.000.000đ hứa đến tháng 6 âl sẽ trả dứt điểm cho bà. Nhưng đến tháng 6 âl thì ông Q, bà T không trả, mà còn thách thức bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà T trả cho bà số tiền 85.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Anh Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q, bà Phạm Thị T trả tiền hụi là vụ kiện tranh chấp hụi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Q, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của của bà Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hụi và còn nợ tiền hụi là thực tế có xãy ra. Nay bà Đ yêu cầu ông Q, bà T trả số tiền hụi còn nợ là 85.000.000đ. Đối với ông Q, bà T thì không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà Đ, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Q, bà Tg là chủ hụi, còn bà Đào là hụi viên. Trong quá trình chơi hụi, bà Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi cho ông Q, bà T. Tuy nhiên, ông Q, bà T tuyên bố đình hụi nhưng không trả lại số tiền hụi cho các hụi viên đã đóng cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Qn, bà T trả số tiền hụi đã đóng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khoản tiền nợ hụi nêu trên là khoản nợ chung của ông Q, bà T được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó ông Q, bà T phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà Đ là phù hợp.

[6] Xét về khoản tiền phải trả, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ trình bày bà không nhớ, không có sổ sách ghi chép số tiền thực tế đã đóng của mỗi kỳ khui hụi. Tuy nhiên, sau khi hai bên thống nhất khoản tiền nợ hụi 188.000.000đ thì ông Q, bà T có trả bà Đ được 70.000.000đ. Nay bà Đ yêu cầu ông Q, bà T trả 85.000.000đ. Xét thấy: Yêu cầu của bà Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét về án phí dân sự: Ông Q, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 85.000.000đ x 5% = 4.250.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 91; Điều 5; khoản 3 Điều 200; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh Đ.

1. Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền là 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Q, bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Bà Nguyễn Thị Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Đ 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009767 ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh